CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Địa ốc First Real

Ngày 28/06/2024	6,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.6%	-	-

DT thuần
Q2/24
14.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.5| -48.7%
YoY: ▼20.4| -59.0%

LN thuần
Q2/24
1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.61| 53.6%
YoY: ▼0.31| -15.3%

LN sau thuế
Q2/24
1.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.46| 583%
YoY: ▼0.35| -22.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
32.6%
YoY: +/-▼ 14.1%

ROE (TTM)
Q2/24
0.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

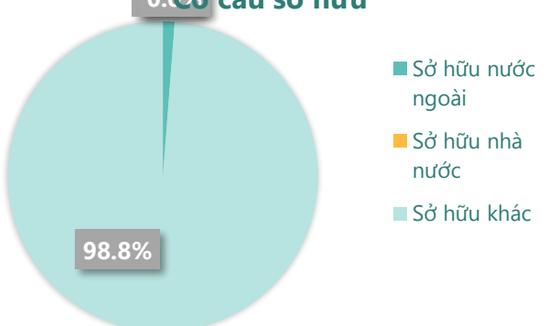
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,410 - 32,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	443
Số lượng CPLH (CP)	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	688,300
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.87
EPS	72
P/E	95.6

DT thuần
6T 2024
41.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.1| -57.3%

LN thuần
6T 2024
2.87
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.6| -84.5%

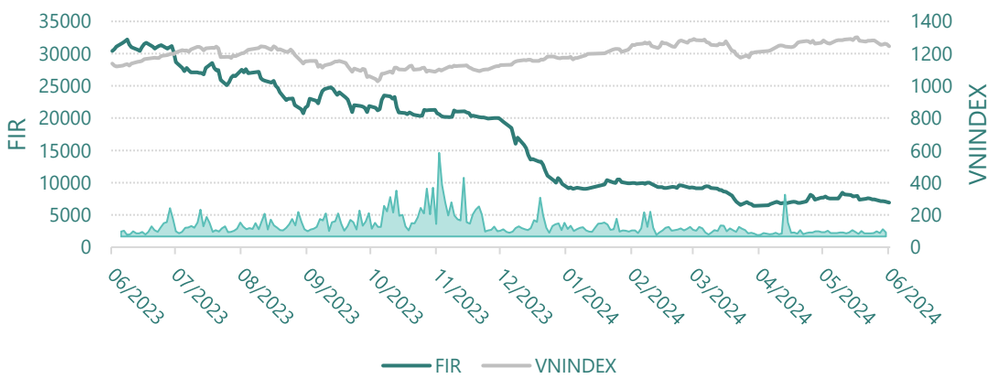
LN sau thuế
6T 2024
0.96
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.34| -90.7%

Cơ cấu sở hữu

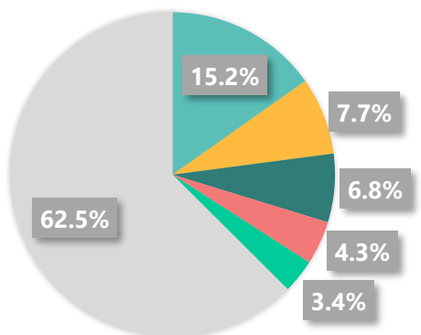


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

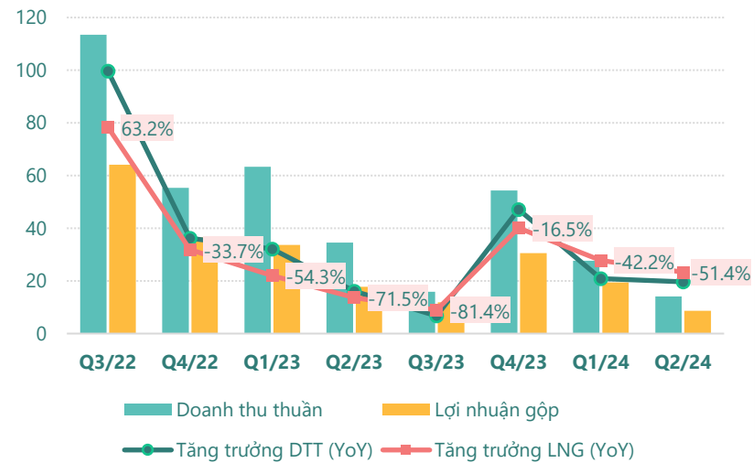


- Nguyễn Anh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Superfine
- Vũ Hoàng Việt
- Nguyễn Hào Hiệp
- Nguyễn Thế Trung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

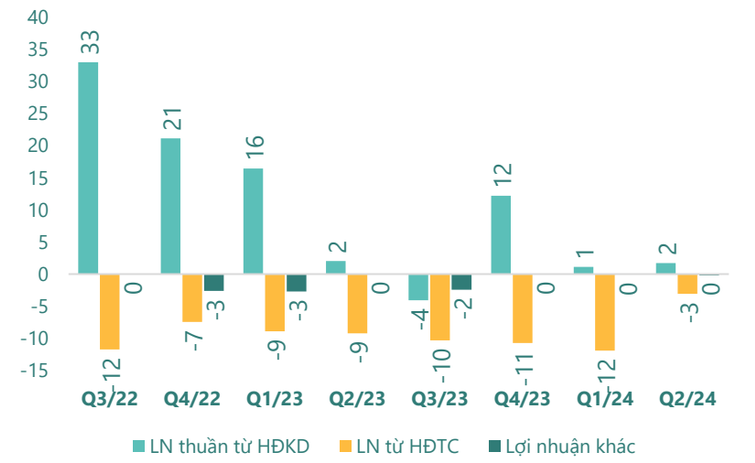
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



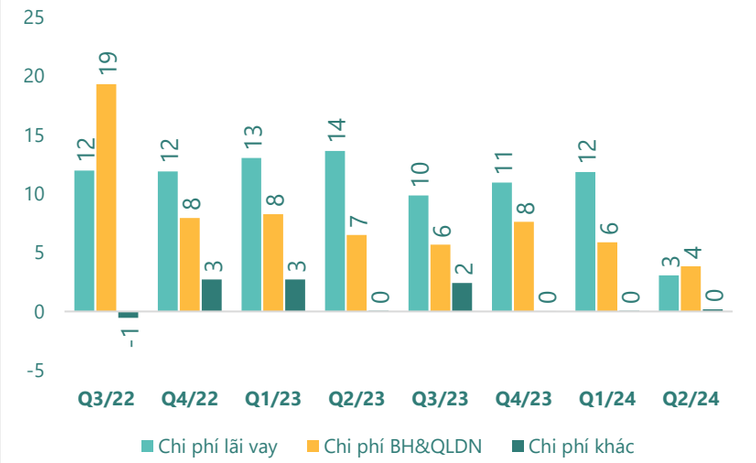
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



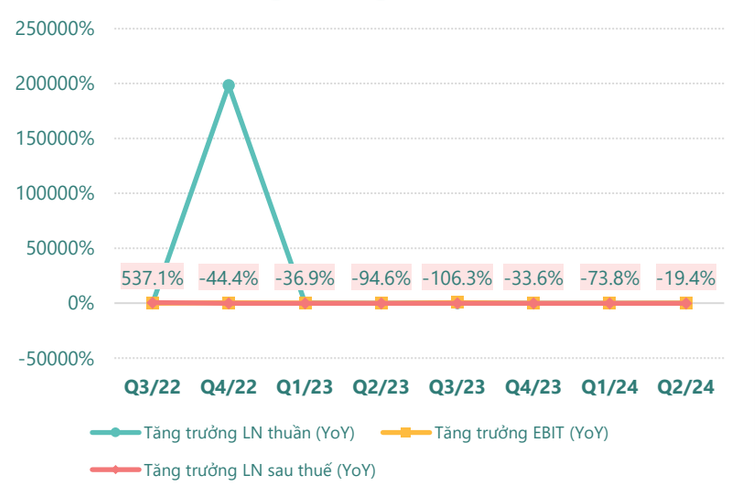
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



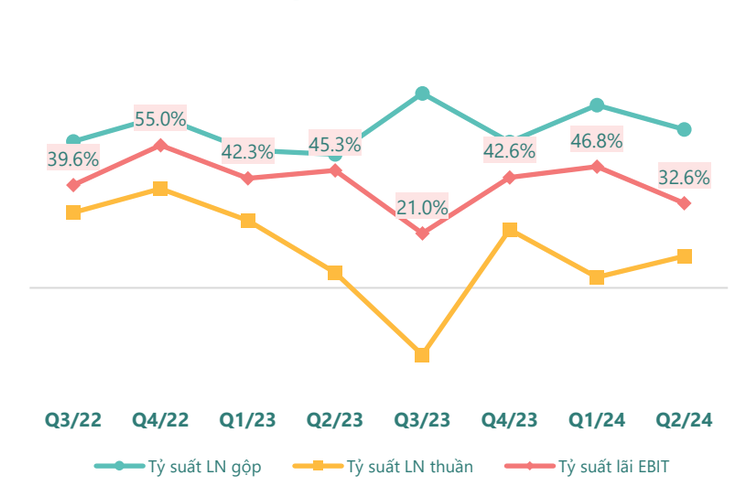
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



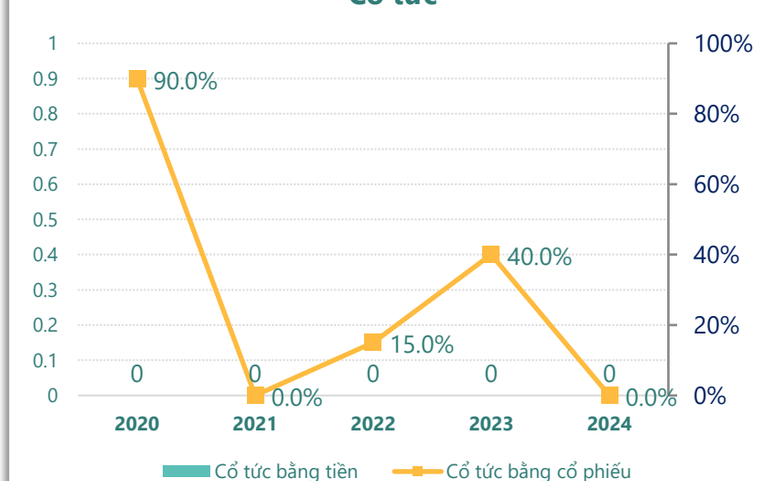
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

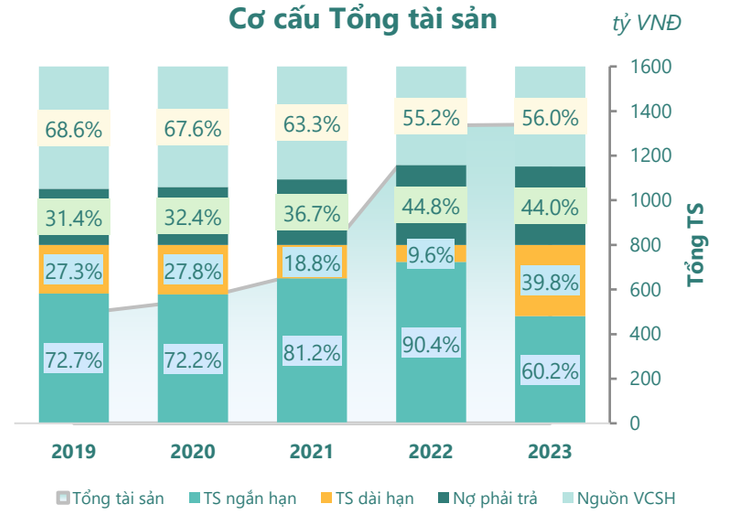
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

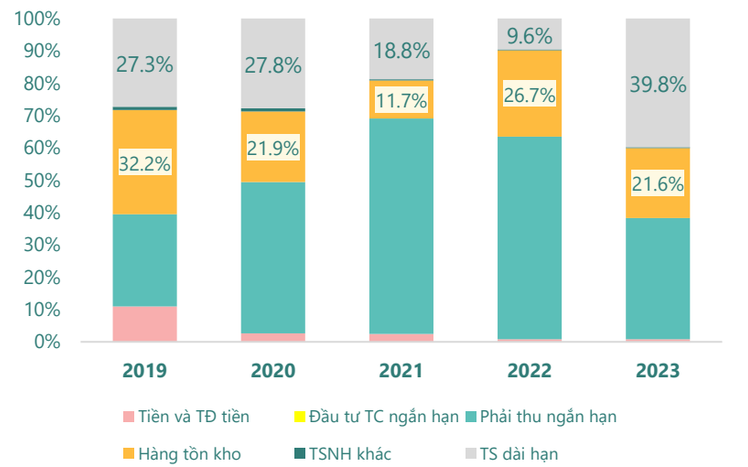
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



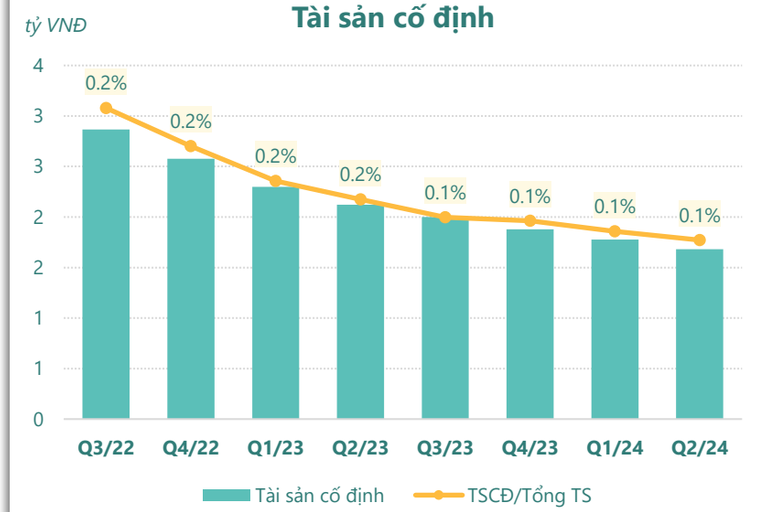
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



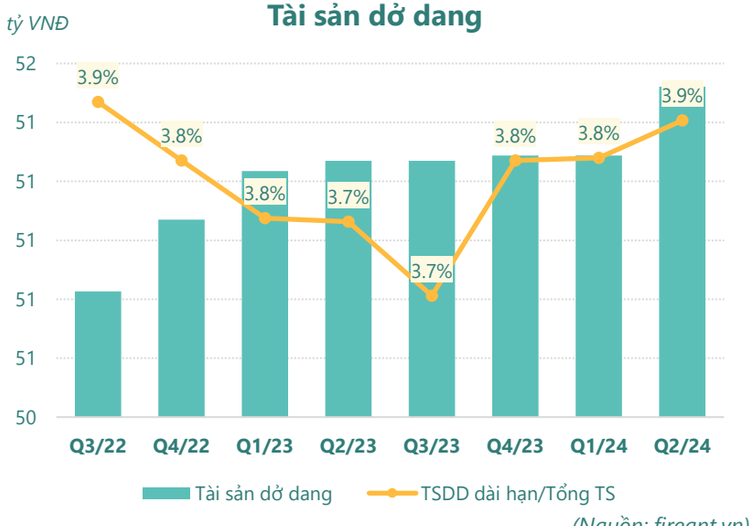
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



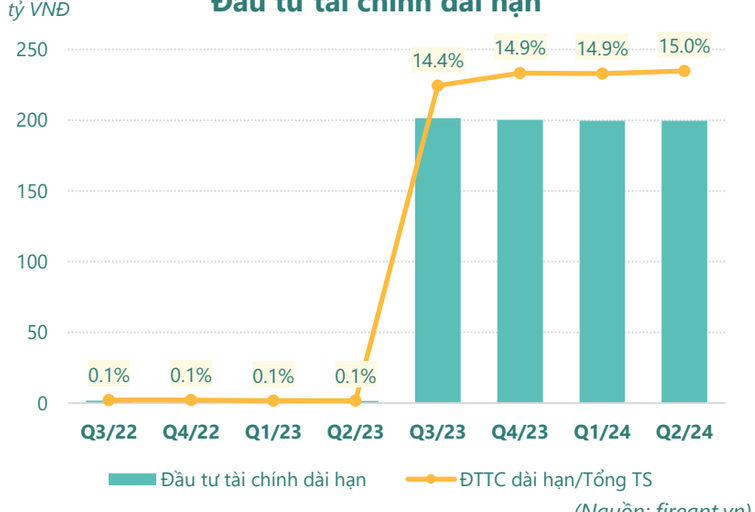
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



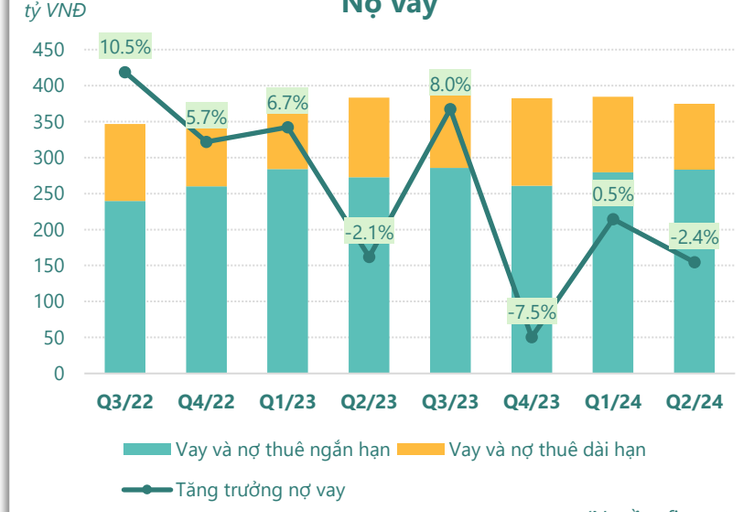
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

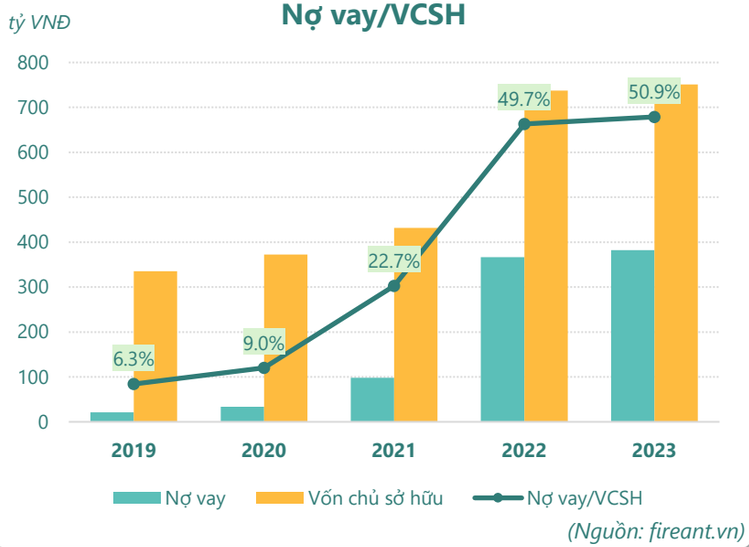
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

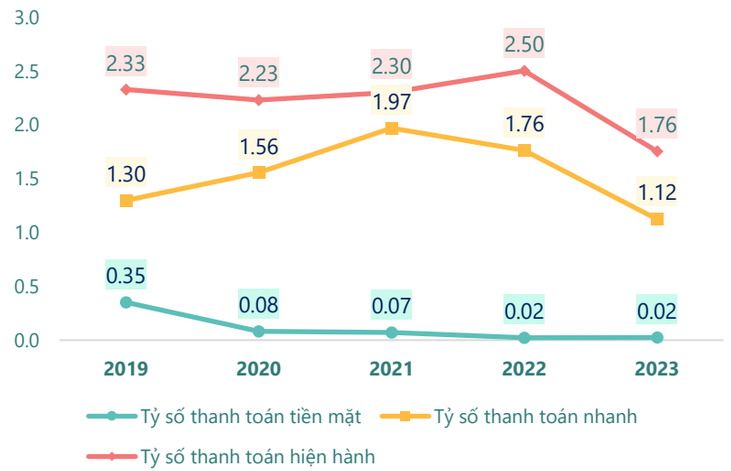
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



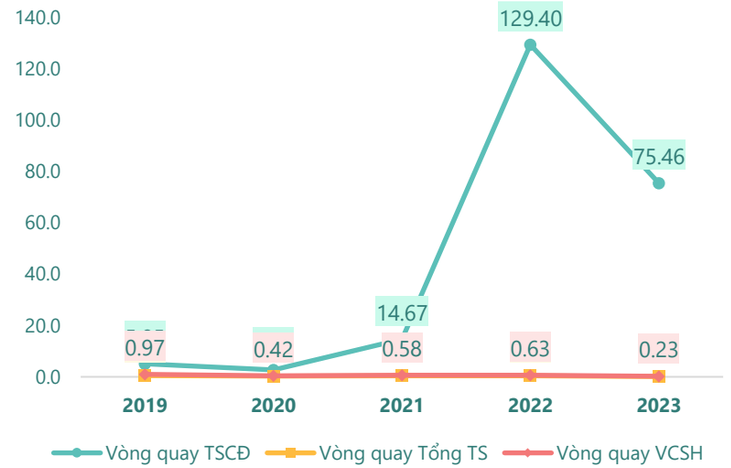
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



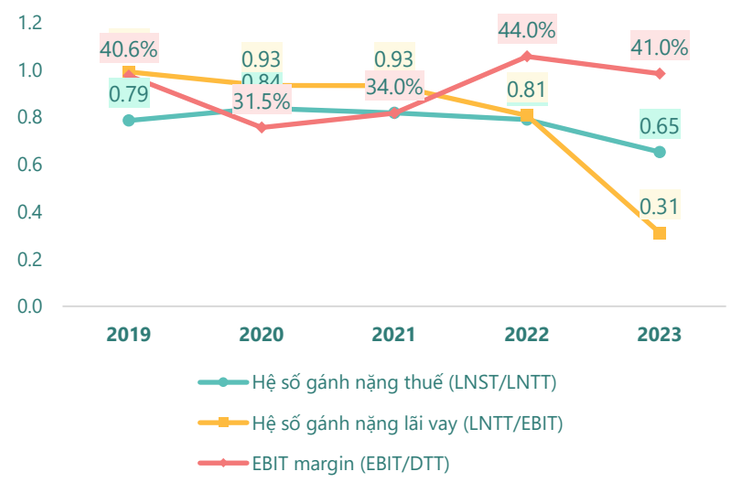
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



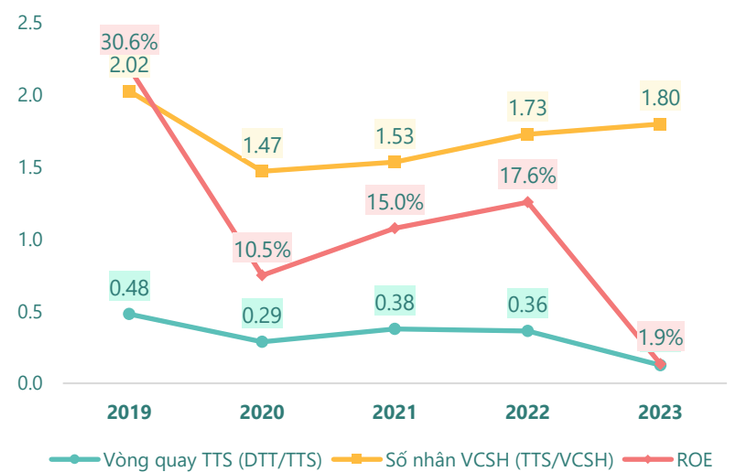
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



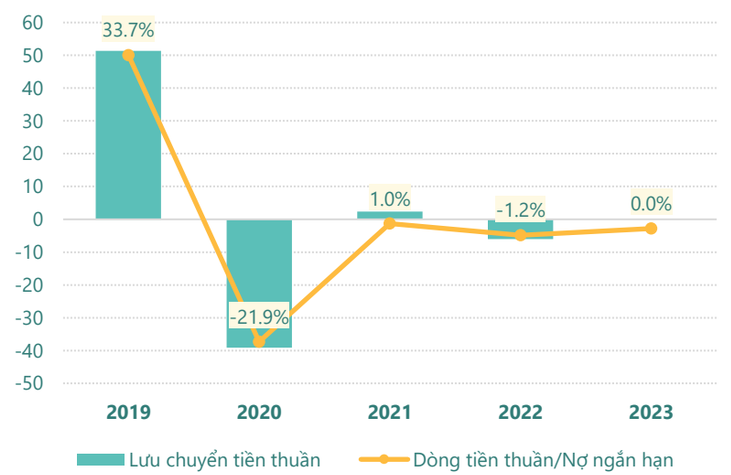
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.1**	**34.5**	**-59.0%**	**41.8**	**97.9**	**-57.3%**
Giá vốn hàng bán	5.50	16.7	-67.1%	13.6	46.4	-70.6%
Lợi nhuận gộp	8.64	17.8	-51.4%	28.1	51.4	-45.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	4.42	-100.0%	0.02	8.88	-99.7%
Chi phí TC	3.06	13.6	-77.5%	15.0	27.0	-44.3%
Chi phí lãi vay	3.06	13.6	-77.5%	14.9	26.7	-44.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.50**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.27	1.97	-86.4%	1.18	6.77	-82.6%
Chi phí QLDN	**3.58**	**4.53**	**-21.1%**	**8.54**	**8.01**	**6.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.74	2.05	-15.3%	2.87	18.5	-84.5%
Lợi nhuận khác	**-0.18**	**-0.06**	**-201%**	**-0.25**	**-2.77**	**91.1%**
LN trước thuế	1.56	1.99	-21.8%	2.62	15.7	-83.4%
Lợi nhuận sau thuế	**1.21**	**1.56**	**-22.6%**	**0.96**	**10.3**	**-90.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.21**	**1.56**	**-22.6%**	**0.96**	**10.3**	**-90.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.4	-1.25	30.5	29.3	4.91	-7.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	7.72	-52.8	1.58	0.00	-0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.7	-8.17	30.5	-31.2	1.87	-9.38
Tiền đầu kỳ	10.9	4.79	3.09	11.3	11.0	17.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.08**	**-1.70**	**8.20**	**-0.30**	**6.78**	**-16.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.79	3.09	11.3	11.0	17.8	1.01

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,329**	**1,340**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	799	806	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	1.01	11.0	-90.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	519	503	3.2%
Hàng tồn kho	277	290	-4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.82	2.90	-2.7%
Tài sản dài hạn	**529**	**534**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	207	210	-1.7%
Tài sản cố định	1.68	1.88	-10.5%
Bất động sản đầu tư	57.3	57.6	-0.5%
Tài sản dở dang	51.5	51.3	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**12.5**	**13.0**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	577	589	-2.1%
Nợ ngắn hạn	**477**	**459**	**3.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	283	261	8.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.17	1.24	-5.7%
Nợ dài hạn	99.2	130	-23.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	91.6	122	-24.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**752**	**751**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**752**	**751**	**0.1%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)